

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 và 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1179/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, giữa các đương sự sau:

Người yêu cầu: Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1957. Địa chỉ: đường C, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: đường C, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 01/8 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh) cấp ngày 29/8/1986 thì ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông H và bà T khai có 02 con chung tên Phạm Thủy A – sinh năm 1987 và Phạm Hải Sơn B – sinh năm 1994 – 02 con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H và bà T khai không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung tên Phạm Thủy A – sinh năm 1987 và Phạm Hải Sơn B – sinh năm 1994 – 02 con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H và bà T khai không có.

- Về lệ phí thuận tình ly hôn: Bà T và ông H phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Xuân H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0032468 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND xã P, huyện G, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh)
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Bùi Thụy Hồng Châu